

Nam.¹ Trung tâm được thành lập theo Quyết định số 204/TTg ngày 28/4/1993 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở hợp nhất Hội đồng Trọng tài Ngoại thương (thành lập năm 1963) và Hội đồng Trọng tài Hàng hải (thành lập năm 1964). Theo quy định của Luật Trọng tài thương mại Việt Nam 2010 có hiệu lực từ ngày 01/01/2011, VIAC không chỉ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại (bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; phân phối; đại diện, đại lý thương mại; ký gửi; thuê, cho thuê; thuê mua; xây dựng; tư vấn, kỹ thuật; li-xăng; đầu tư; tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; thăm dò, khai thác, vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và các hành vi thương mại khác theo quy định của pháp luật) mà còn có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó có ít nhất một bên có hoạt động thương mại và tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật

¹ Số lượng các vụ tranh chấp được đưa ra giải quyết tại VIAC không ngừng tăng lên. Từ 1993 đến 2013, VIAC đã giải quyết gần 1.000 vụ tranh chấp thuộc nhiều lĩnh vực như: mua bán hàng hoá (khoảng 70%), đầu tư (khoảng 5%), dịch vụ (10%), xây dựng (5%) và các lĩnh vực khác (10%). Trong đó, tranh chấp trong nước chiếm khoảng 51%, tranh chấp có yếu tố nước ngoài chiếm khoảng 49%. Đến nay, doanh nghiệp thuộc hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đã tham gia giải quyết tranh chấp tại VIAC; trong đó, nhiều nhất là các doanh nghiệp từ Singapore (khoảng 25%), Hàn Quốc (khoảng 23%), Trung Quốc (15%), Mỹ (10%).

Danh sách Trọng tài viên của VIAC gồm 139 người, trong đó 16 người là Trọng tài viên có quốc tịch nước ngoài thuộc nhiều quốc gia khác nhau như: Singapore, Malaysia, Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Đức, Pháp, Mỹ, Anh. Đây là những chuyên gia có uy tín và kinh nghiệm trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

quy định được giải quyết bằng trọng tài. Bên cạnh phương thức trọng tài, VIAC còn cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp bằng hoà giải theo Quy tắc Hòa giải có hiệu lực từ ngày 10/09/2007.

Phù hợp với Luật trọng tài thương mại, tại Điều 35, khoản 4 Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC cho phép các bên có thể thoả thuận sửa đổi các thời hạn liên quan tới VIAC hoặc Hội đồng Trọng tài quy định trong Quy tắc với điều kiện phải được sự đồng ý của VIAC hoặc Hội đồng Trọng tài. Mục đích của quy định này nhằm tạo điều kiện cho các bên tranh chấp có thể thoả thuận rút ngắn thời gian giải quyết vụ tranh chấp.¹

Mô hình tổ chức của VIAC gồm Ban điều hành (Chủ tịch và các phó Chủ tịch); Ban thư ký; Ban Xúc tiến – Đào tạo và Hội đồng khoa học pháp lý do Chủ tịch VIAC ra quyết định thành lập, có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thực tiễn giải quyết tranh chấp tại VIAC; góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật khi được đề nghị hoặc có yêu cầu.

3.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài

Theo nghĩa hẹp thì “trọng tài” được hiểu là người ở

¹ Trung tâm khuyến nghị các bên khi ký kết các hợp đồng thương mại trong nước hoặc với đối tác nước ngoài nên đưa điều khoản trọng tài mẫu sau đây vào hợp đồng : *"Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết chung thẩm tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam – All disputes arising out of or in relation to this contract shall be finally settled by the Vietnam International Arbitration Centre (VIAC) at the Vietnam Chamber of Commerce and Industry in accordance with its Arbitration Rules"*.

giữa để xét xử (“trọng” là trọng tâm; “tài” là tài phán, xét xử), nếu theo nghĩa rộng thì trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại, được các bên thỏa thuận và được tiến hành theo một trình tự thủ tục tố tụng theo quy chế của trọng tài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại đó.¹ Trọng tài là tổ chức phi chính phủ, không phải là cơ quan quyền lực của nhà nước, do vậy, trọng tài không có thẩm quyền đương nhiên như tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại. Trọng tài chỉ có thẩm quyền khi các bên trao quyền giải quyết tranh chấp cho trọng tài bằng một thỏa thuận trọng tài.

Trong thực tiễn giải quyết tranh chấp thì tố tụng tòa án

¹ Thuật ngữ trọng tài thương mại gắn liền với thẩm quyền của trọng tài, đó là trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp thương mại. Đây cũng là yếu tố để chúng ta phân biệt thuật ngữ “Trọng tài quốc tế” là một loại trọng tài giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ mang tính chất liên quốc gia như tranh chấp về lãnh thổ, biên giới và các tranh chấp khác thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế giữa các chủ thể của nó. Ví dụ: Tòa trọng tài được thành lập năm 1988 để giải quyết tranh chấp lãnh thổ giữa Ai Cập và Ixraen, vụ việc liên quan đến chủ quyền trên đảo Palmas (1928) giữa Mỹ và Hà Lan... Hiện nay trên thực tế có Tòa trọng tài thường trực Lahaye (được thành lập theo Công ước Lahaye I và Lahaye II) có thẩm quyền giải quyết tất cả các tranh chấp phát sinh giữa các quốc gia thành viên, khi các quốc gia thành viên thỏa thuận chọn. Ngoài ra trong lĩnh vực Luật biển còn có Trọng tài quốc tế về Luật biển, là cơ quan tài phán quốc tế được thành lập và hoạt động trên cơ sở Công ước quốc tế về Luật biển năm 1982. Các loại trọng tài giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ mang tính chất liên quốc gia này không thuộc đối tượng nghiên cứu của tư pháp quốc tế. Trọng tài trong tư pháp quốc tế là trọng tài phi chính phủ được thành lập bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp các quốc gia, hoặc được thành lập theo Luật công ty của các nước.

thường được các bên chọn áp dụng đối với các vụ tranh chấp thương mại trong nước liên quan đến các bên có cùng quốc tịch, còn đối với các tranh chấp thương mại quốc tế, các bên thường lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, bởi trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế, trọng tài thường có ưu việt hơn so với các cơ quan giải quyết tranh chấp khác như: tính bí mật; tính linh hoạt; tính trung lập và sự công nhận quốc tế đối với phán quyết của trọng tài, đặc biệt đối với các quốc gia là thành viên Công ước New York 1958 thì phán quyết luôn bảo đảm được công nhận và thi hành ở nước ngoài khi phù hợp với quy định của Công ước mà không phụ thuộc vào quy định của pháp luật các nước thành viên. Ngược lại khi giải quyết tranh chấp bằng tòa án một số khó khăn về mặt pháp lý được đặt ra như: (i) phải giải quyết được vấn đề xung đột về thẩm quyền xét xử của tòa án. Việc này không những chỉ làm chậm lại quá trình tố tụng tại tòa án mà còn có thể dẫn đến việc tranh chấp được giải quyết tại một tòa án quốc gia nước ngoài, nơi mà trước đó các bên không lường được trong quá trình đàm phán ký kết hợp đồng; (ii) việc công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài thường phải thông qua một thủ tục tố tụng do pháp luật của quốc gia nơi công nhận và thi hành quy định.

Về nguyên tắc, trọng tài không cạnh tranh với tòa án trong xét xử, các phương thức giải quyết tranh chấp này chỉ bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau. Trong giải quyết tranh chấp, trọng tài không thể hoạt động vượt ra ngoài phạm vi quy tắc tố tụng của mình, trọng tài không thể phát triển nếu không có sự hỗ trợ, kiểm soát và hợp tác của các cơ quan quyền lực quốc gia tạo ra khuôn khổ pháp lý cho việc hình

thành và hoạt động của tổ chức trọng tài, đặc biệt trong việc bảo đảm về mặt nhà nước đối với việc thi hành quyết định của trọng tài. Mô hình tổ chức trọng tài hiện nay trên thế giới là trọng tài thương mại phi Chính phủ, được tổ chức dưới hai hình thức chủ yếu là: Trung tâm Trọng tài nằm bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp và Trung tâm Trọng tài được thành lập theo Luật công ty hoặc hiệp hội có đăng ký (theo Luật về hiệp hội).

3.2.1. Thỏa thuận trọng tài – cơ sở pháp lý tạo nên thẩm quyền trọng tài

Trọng tài không phải là cơ quan quyền lực nhà nước, do vậy về nguyên tắc, trọng tài không có thẩm quyền đương nhiên giải quyết các tranh chấp nói chung và tranh chấp thương mại nói riêng. Trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp, khi các bên đương sự thỏa thuận đưa tranh chấp ra giải quyết trước trọng tài và tranh chấp này phải nằm trong phạm vi các loại tranh chấp được pháp luật cho phép giải quyết bằng trọng tài. Như vậy, thẩm quyền xét xử của trọng tài được hình thành trên nền tảng pháp lý là khi các bên trong vụ tranh chấp có thỏa thuận đưa tranh chấp ra giải quyết trước trọng tài.¹ Về mặt pháp lý, khi đã có một thỏa thuận trọng tài hợp pháp thì mọi quyết định liên quan đến thẩm quyền giải quyết tranh chấp

¹ Trong một số trường hợp được xem như là ngoại lệ khi: giữa các bên tranh chấp mặc dù không có thỏa thuận trọng tài nhưng các bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết trước trọng tài khi các quốc gia (quốc gia có công dân là nhà đầu tư và quốc gia nhận đầu tư) là thành viên của Công ước 1965 về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa các quốc gia và công dân của các quốc gia khác (International Centre for Settlement of Investment disputes – ICSID 1965).

của Hội đồng trọng tài sẽ do chính Hội đồng trọng tài quyết định.¹ Thỏa thuận trọng tài được coi là cơ sở pháp lý, là hòn đá tảng, trên đó hình thành nên thẩm quyền của trọng tài. Hình thức của thỏa thuận trọng tài phải được lập thành văn bản, mọi hình thức khác đều không có giá trị pháp lý. Thỏa thuận trọng tài có thể là một điều khoản trọng tài trong hợp đồng, hoặc một thỏa thuận đưa tranh chấp ra giải quyết trước trọng tài.

Về mặt pháp lý, một thỏa thuận trọng tài nằm trong hợp đồng nhưng hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.² Khi xem xét quy định này của pháp luật, cho chúng ta thấy, thỏa thuận trọng tài thực chất là một “hợp đồng” của các bên chọn cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, trong “hợp đồng” này, các bên thỏa thuận sẽ đưa tranh chấp giữa các bên ra giải quyết trước trọng tài. Hợp đồng thương mại được ký kết giữa các bên có phạm vi điều chỉnh là các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên. Đây là hai loại thỏa thuận mà về mặt pháp lý có đối tượng điều chỉnh khác nhau, thỏa thuận trọng tài là để chọn cơ quan (trọng tài) có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, nó xác định những vấn đề về tố tụng như: (i) thẩm quyền tố tụng trong vụ tranh chấp; (ii) luật áp dụng trong tố tụng; (iii) trọng tài viên; (iv) thời gian, địa điểm tiến hành giải quyết vụ tranh chấp..., hợp đồng là sự

¹ Xem thêm : Điều 6.3 Quy tắc tố tụng của ICC; Điều 6 Luật Trọng tài thương mại Việt Nam 2010.

² Tính độc lập của thỏa thuận trọng tài với hợp đồng được quy định tại Điều 19 Luật Trọng tài thương mại Việt Nam 2010.

thỏa thuận quy định quyền và nghĩa vụ của các bên thông qua các điều khoản trong hợp đồng. Ngoài ra thỏa thuận trọng tài có một ý nghĩa pháp lý là trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được (Điều 6 Luật Trọng tài thương mại Việt Nam 2010).

3.2.2. Hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

Để một thỏa thuận trọng tài phát huy tác dụng thì điều kiện tiên quyết đầu tiên là thỏa thuận trọng tài đó phải có hiệu lực. Trong thực tế, một số thương nhân có quan niệm sai lầm, khi cho rằng, các nguyên tắc pháp lý được áp dụng để xác định hiệu lực của hợp đồng, đồng thời cũng là các nguyên tắc pháp lý được áp dụng để xác định hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, bởi lẽ, “thỏa thuận trọng tài” là một điều khoản của hợp đồng, là một phần của hợp đồng mà các bên thỏa thuận ký kết. Như đã phân tích, tuy là một điều khoản nằm trong hợp đồng, nhưng về mặt pháp lý thỏa thuận trọng tài lại hoàn toàn độc lập với hợp đồng, việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, sự vô hiệu của hợp đồng không ảnh hưởng đến hiệu lực của điều khoản trọng tài. Như vậy, có thể hiểu điều khoản trọng tài sẽ được điều chỉnh bởi một luật, luật này quy định hiệu lực của điều khoản trọng tài cả về mặt hình thức và nội dung. Các nội dung (điều khoản) của hợp đồng được điều chỉnh bằng một luật khác, có thể là: luật do các bên chọn; luật nơi ký kết hợp đồng; luật nơi thực hiện nghĩa vụ; nơi xảy ra hành vi vi phạm pháp luật; luật tòa án... Trong thực tiễn ký kết hợp đồng, nếu các bên không có thỏa thuận riêng về luật điều

chỉnh cho thỏa thuận trọng tài, mà chỉ thỏa thuận chọn luật điều chỉnh hợp đồng, khi giải quyết tranh chấp, cơ quan có thẩm quyền thường giải thích, luật điều chỉnh cho hợp đồng và luật áp dụng điều chỉnh cho thỏa thuận trọng tài trong trường hợp này được hiểu là một. Như vậy, nếu các bên trong hợp đồng muốn chọn luật áp dụng cho điều khoản trọng tài khác với luật áp dụng cho hợp đồng thì cần phải thỏa thuận và quy định rõ vấn đề này trong thỏa thuận trọng tài.

Theo Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành quyết định trọng tài nước ngoài thì một thỏa thuận trọng tài có hiệu lực, được công nhận và đảm bảo thi hành nếu thỏa thuận trọng tài đó thỏa mãn đầy đủ các điều kiện: (i) thỏa thuận bằng văn bản; (ii) thỏa thuận tính đến sự khác biệt hiện có hoặc có thể nảy sinh giữa các bên; (iii) sự khác biệt phát sinh có quan hệ đến một quan hệ pháp luật đã được xác định trước đó, cho dù điều đó có được thỏa thuận trước hay không; (iv) các khác biệt đó phải thuộc phạm vi giải quyết của trọng tài (Điều II.1) và các bên ký thỏa thuận trọng tài phải có năng lực chủ thể theo luật áp dụng cho chính các bên; thỏa thuận trọng tài phải có hiệu lực pháp luật theo luật các bên lựa chọn áp dụng cho thỏa thuận trọng tài hoặc theo luật của quốc gia nơi ra quyết định trọng tài (Điều V.1.a). Ngoài những quy định trên, một điều khoản trọng tài cũng có thể vô hiệu khi Tòa án quốc gia nơi công nhận và thi hành cho rằng “thỏa thuận trọng tài không có hiệu lực, không hiệu quả hoặc không thể thi hành được” (Điều II.3).

Điều 18 Luật Trọng tài thương mại Việt Nam năm 2010 quy định, thỏa thuận trọng tài vô hiệu trong những trường

hợp sau: “1. Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của Trọng tài quy định tại Điều 2 của Luật này.¹ 2) Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 3) Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự. 4) Hình thức của thỏa thuận trọng tài không phù hợp với quy định tại Điều 16 của Luật này. 5) Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó là vô hiệu và; 6) Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật”.

Cũng như hợp đồng, thỏa thuận trọng tài thực chất cũng là một hợp đồng, do vậy, một thỏa thuận trọng tài chỉ có hiệu lực khi nó thỏa mãn các điều kiện do pháp luật quy định về: (a) năng lực hành vi ký thỏa thuận trọng tài; (b) hình thức của thỏa thuận trọng tài; (c) phạm vi, đối tượng tranh chấp (hoạt động thương mại) và; (d) thỏa thuận trọng tài được ký kết dựa trên nguyên tắc tự nguyện.

a) Về năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài: để một thỏa thuận trọng tài có hiệu lực, trước hết người ký thỏa thuận trọng tài phải có năng lực chủ thể. Về nguyên tắc, luật áp dụng để xác định năng lực chủ thể ký kết hợp đồng và năng lực chủ thể ký thỏa thuận trọng tài là giống nhau vì thực chất, thỏa thuận trọng tài cũng chính là một hợp đồng. Pháp luật các nước quy định, luật nhân thân được áp dụng

¹ Điều 2 quy định về “Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài: 1) Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; 2) Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; 3) Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài”.

để xác định năng lực ký thỏa thuận trọng tài đối với thể nhân, đối với pháp nhân, áp dụng pháp luật của nước nơi pháp nhân đó được thành lập (nơi đăng ký điều lệ hoặc nơi có trụ sở hoạt động). Thực tiễn cho thấy, khi xem xét năng lực ký thỏa thuận trọng tài của một pháp nhân, quan trọng nhất cần lưu ý là thẩm quyền của người đại diện cho pháp nhân đó ký thỏa thuận trọng tài, đặc biệt là đối với những người đại diện theo ủy quyền.

Tòa án xác định tư cách chủ thể của các bên ký thỏa thuận trọng tài: một thỏa thuận trọng tài chỉ có hiệu lực, nếu các bên thỏa thuận nó có đầy đủ tư cách chủ thể. Pháp luật của hầu hết các nước đều cho phép các bên tham gia trọng tài được quyền thỏa thuận luật điều chỉnh cho nội dung hợp đồng, ngược lại, pháp luật không cho phép các bên chọn luật điều chỉnh năng lực chủ thể ký kết thỏa thuận trọng tài mà vấn đề tư cách chủ thể này chỉ được áp dụng theo quy định của pháp luật quốc gia.

Tại Điều V, khoản 1, mục a Công ước New York 1958 quy định: “tòa án có thể từ chối công nhận và thi hành quyết định trọng tài nếu theo luật áp dụng đối với các bên, họ không có đủ năng lực”. Tại Điều 34, khoản 2, mục a Luật mẫu UNCITRAL cũng có quy định tương tự, đó là quyết định trọng tài có thể bị tòa án hủy khi một trong các bên ký thỏa thuận trọng tài không đủ năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài đó. Vấn đề đặt ra là, quy định trong Công ước New York 1958 và Luật mẫu UNCITRAL không chỉ rõ luật nào sẽ được áp dụng cho vấn đề xác định năng lực chủ thể ký thỏa thuận trọng tài mà để mở một khả năng áp dụng luật xung đột của nước có tòa án có thẩm quyền đối với vụ việc (nơi công nhận và thi hành; nơi xem xét hủy